

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 2778 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 16 tháng 9 năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành quy chế phối hợp công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5130/TTr-SGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ngành Giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Đồng Nai (đính kèm danh mục).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của đơn vị.

- Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm in ấn, photo đóng thành quyển bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của quyết định này.

Điều 4. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Giao thông vận tải cập nhật thủ tục hành chính đã được công bố lên phần mềm một cửa liên thông hiện đại cấp sở, huyện và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật nội dung thủ tục hành chính ngành Giao thông vận tải đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (Trần Văn Vĩnh);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (BTP);
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HC.



CHỦ TỊCH

Đình Quốc Thái



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI
PHẠM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Ban hành theo Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP SỞ	
I.	Lĩnh vực đường bộ :	
1	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.	1
2	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 31/7/1995 bị hỏng.	5
3	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 31/7/1995.	8
4	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.	11
5	Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài.	14
6	Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.	17
7	Thủ tục cấp mới, đổi giấy phép lái xe tập lái.	20
8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.	23
9	Thủ tục sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý.	28
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến.	31
11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.	35
12	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị hỏng.	38
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn.	41

14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	44
15	Thủ tục thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo do Sở Giao thông vận tải thực hiện.	47
16	Thủ tục xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng.	51
17	Thủ tục di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.	54
18	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải áp dụng cho hộ cá thể.	57
19	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải áp dụng cho Doanh nghiệp, Hợp tác xã.	60
20	Thủ tục cấp, đổi phù hiệu xe taxi.	70
21	Thủ tục cấp, đổi biển hiệu xe du lịch.	75
22	Thủ tục cấp, đổi phù hiệu xe hợp đồng	80
23	Thủ tục cấp, đổi phù hiệu xe tuyến cố định.	85
24	Thủ tục cấp, đổi phù hiệu xe container.	90
25	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định.	95
26	Thủ tục mở tuyến vận tải khách cố định.	102
27	Thủ tục công bố và công bố lại bến xe khách vào hoạt động.	109
28	Thủ tục công bố và công bố lại (theo thẩm quyền) trạm dừng nghỉ vào hoạt động.	114
29	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Campuchia-Lào-Việt.	121
30	Thủ tục cấp giấy phép liên vận quốc tế Việt-Lào.	128
31	Thủ tục cấp giấy phép liên vận Việt-Kampuchia	136
32	Thủ tục cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	139
33	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	144

34	Thủ tục gia hạn xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	148
35	Thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường tỉnh.	152
36	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	156
37	Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường tỉnh.	160
38	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hồ sơ hoàn công.	164
II.	Lĩnh vực đường thủy nội địa :	
39	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác.	165
40	Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác.	169
41	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	172
42	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	175
43	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với trường hợp phương tiện thay đổi tính năng kỹ thuật.	178
44	Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc chuyển nơi đăng ký hộ khẩu.	181
45	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với trường hợp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất.	184
46	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với trường hợp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị cũ, nát.	187
47	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa.	190
48	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông.	192
49	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến hành khách ngang sông	196
50	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đối với bến hàng hóa, bến hành khách.	199
51	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đối với bến hàng hóa, bến hành khách.	202
52	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định.	205

53	Thủ tục chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy thử trên tuyến đường thủy nội địa.	208
54	Thủ tục công bố cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	211
55	Thủ tục ý kiến chấp thuận mở bến khách ngang sông.	214
56	Thủ tục chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa.	217
57	Thủ tục ý kiến chấp thuận xây dựng bến hàng hóa, bến hành khách.	220
58	Thủ tục ý kiến chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	224
59	Thủ tục ý kiến chấp thuận xây dựng kè trong phạm vi hành lang bảo vệ luồng.	227
III.	Lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa :	
60	Thủ tục tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư các công trình giao thông trên địa bàn Đồng Nai.	229
61	Thủ tục tham gia ý kiến về báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với các dự án đầu tư các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	232
IV.	Lĩnh vực Thanh tra :	
62	Thủ tục tiếp dân.	234
63	Thủ tục xử lý đơn, thư	238
64	Thủ tục giải quyết tố cáo.	242
65	Thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu)	245
66	Thủ tục giải quyết khiếu nại (lần 2)	249
67	Thủ tục xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường thủy.	253
B.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
1	Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường huyện, thị, thành phố.	256
2	Thủ tục cấp phép thi công, xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đối với đường huyện, thị, thành phố).	260

3	Thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường huyện, thị, thành phố.	264
4	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến đường huyện, thị, thành phố.	268
5	Thủ tục gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến đường huyện, thị, thành phố.	272